TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 327/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số **298**/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Chị Trần Thị L - sinh ngày 24/01/1986;

Căn cước số: 001186004303;

Nơi cư trú: Thôn C, xã N, thành phố Hà Nội.

- Anh Phạm Đức T - sinh ngày 06/11/1982;

Căn cước công dân số: 001082017308;

Nơi cư trú: Thôn C, xã N, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về thuận tình ly hôn ngày 06 tháng 04 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Phạm Đức T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***- Về tình cảm*:** Chị Trần Thị L và anh Phạm Đức T cùng thống nhất thoả thuận, thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là cháu: Phạm Tuệ Lâm sinh ngày 03/04/2010 và cháu Phạm Tuệ M sinh ngày 13/6/2017. Sau ly hôn, chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu M, và anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu L1 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Chị L và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, nhà đất chung*:* Chị L và anh T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

- Về các khoản nợ chung: Chị L và anh T thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

- Về lệ phí: Chị Trần Thị L và anh Phạm Đức T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự; Ghi nhận sự tự nguyện của chị L chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007819 ngày 01/04/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Chị L đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

- Về các vấn đề khác*:* Chị L và anh T không có yêu cầu gì khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hà Nội;
- UBND xã Đông Mỹ, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội (nay là xã Nam Phù, TP Hà Nội), GCNKH số 23, quyển 01, ngày 30/03/2009;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Hương Giang